

Số: 08/UBND

Sơn Kim 1, ngày 27 tháng 01 năm 2022

V/v Triển khai và phân công
phụ trách các nhiệm vụ trong
CCHC năm năm 2022

Kính gửi:

- Thành viên bộ phận “Tiếp nhận và trả kết quả xã”;
- Các công chức chuyên môn;
- Các thôn trong toàn xã.

Thực hiện các Kế hoạch của UBND huyện và của UBND xã về công tác cải cách hành chính năm 2022. UBND xã triển khai các nội thực hiện nhiệm vụ năm 2022 như sau:

1. Nhiệm vụ chung của “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” và công chức chuyên môn

- Nâng cao chất lượng về quản lý nhà nước, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách;
- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, nâng tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua DVC trực tuyến mức độ 3,4 đạt trên 30%.
- Lấy sự hài lòng của tổ chức, cá nhân là thước đo chất lượng, hiệu quả phục vụ của cán bộ, công chức góp phần thúc đẩy, phát triển kinh tế - xã hội của xã nhà.
- Xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và điều hành. Các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong Kế hoạch CCHC được gắn kết với các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã năm 2022.
- Khắc phục những tồn tại hạn chế do đoàn kiểm tra, thẩm định chỉ số CCHC của huyện kết luận.
- Đưa ra các giải pháp, sáng kiến kinh nghiệm để nâng cao chỉ số CCHC.
- Góp ý kiến các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được lấy ý kiến.
- 100% TTHC có phát sinh hồ sơ của các bộ phận: Tư pháp, Địa chính, văn hóa – xã hội, văn phòng – thống kê ...được tiếp nhận và giải quyết tại “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã”. 100% hồ sơ tiếp nhận được giải quyết đúng và trước hạn.
- Các lĩnh vực: Văn hóa – xã hội; Tư pháp – hộ tịch; Địa chính – đất đai; Thi đua – khen thưởng phải có ít nhất 50% TTHC có phát sinh hồ sơ

được tiếp nhận và giải quyết bằng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và dịch vụ bưu chính công ích. Có ít nhất 30% hồ sơ được số hóa.

- Sắp xếp và lưu trữ tài liệu hồ sơ theo quy định của bộ TTHC.
- Áp dụng Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001: 2015.
- Phải tập trung hoàn thành các nhiệm vụ chuyên môn đã giao, phải báo cáo đảm bảo thời gian yêu cầu của các cấp, không để bị các cấp phê bình bằng văn bản.

2. Nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, công chức chuyên môn

Ngoài các nhiệm vụ chung đã nêu tại mục 1, các cán bộ, công chức chuyên môn phải thực hiện các nội dung sau:

2.1. Chủ tịch UBND xã: Hoàng Văn Thu

Chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện CCHC và chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả chỉ số CCHC của xã. Trực tiếp phụ trách các tiểu mục tổng 20 điểm cụ thể như sau:

- Mục 1.8: Hoàn thành các chỉ tiêu KTXH, ANQP huyện giao (2 chỉ tiêu): 2 điểm.
- Mục 1.9: Tổ chức tiếp công dân định kỳ theo quy định (1 điểm)
- Mục 4.1: Tổ chức bộ máy theo đúng quy định (2 điểm)
- Mục 4.3: phân công nhiệm vụ cho CB, CC xã (1 điểm)
- Mục 4.4: thực hiện sắp xếp lại thôn đảm bảo theo quy định 2 điểm
- Từ mục 5.1 – 5.7.1: Cải cách chế độ công vụ (9 điểm)
- Mục 7.1.1.2: 100% văn bản ban hành đều được ký số (1 điểm)
- Mục 8: thu ngân sách vượt kế hoạch giao (2 điểm)

2.2. Phó chủ tịch Phan Thanh Tùng

Chịu trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc các công chức lĩnh vực Đại chính – xây dựng; nông nghiệp thực hiện công tác CCHC lĩnh vực mình phụ trách. Trực tiếp chịu trách nhiệm hoàn thành các mục với tổng 3 điểm:

- Mục 1.8: Hoàn thành các chỉ tiêu KTXH, ANQP huyện giao (10 chỉ tiêu) gồm: KDC mẫu, Vườn mẫu, Đàn Hươu, Đàn dê, Đàn ong, trồng cây ăn quả, trồng rừng, trồng chè công nghiệp, giao thông, xử lý rác thải: 2 điểm.
- Cùng với đồng chí Chủ tịch hoàn thành mục 7.1.1.2: 100% văn bản ban hành đều được ký số (1 điểm).

2.3. Phó chủ tịch Nguyễn Thị An

Chịu trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc các công chức Văn hóa – xã hội thực hiện công tác CCHC lĩnh vực mình phụ trách. Trực tiếp chịu trách nhiệm hoàn thành các mục với tổng 3 điểm:

- Mục 1.8: Hoàn thành các chỉ tiêu KTXH, ANQP huyện giao (8 chỉ tiêu) gồm: Thôn Văn hóa, GĐVH, Trẻ em SDD, Điểm y tế, Hộ nghèo, Lao động qua đào tạo, BHYT, BHXH: 2 điểm.

- Cùng với đồng chí Chủ tịch hoàn thành mục 7.1.1.2: 100% văn bản ban hành đều được ký số (1 điểm).

2.4. Công chức Văn phòng – thống kê: Lê Thị Thu Hà

Chịu trách nhiệm tham mưu giúp đồng chí Chủ tịch UBND xã quản lý bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã.

Trực tiếp chịu trách nhiệm hoàn thành các mục với tổng 31 điểm gồm:

- Mục 1.1 – 1.5: công tác lãnh đạo, chỉ đạo (4 điểm)
- Mục 3.1 – 3.6.1: Cải cách thủ tục hành chính (phối hợp với các công chức chuyên môn hoàn thành 11.5 điểm).
- Mục 3.7: Báo cáo quý năm về kiểm soát thủ tục hành chính (1 điểm)
- Mục 4.2: xây dựng và ban hành quy chế làm việc của UBND xã
- Mục 5: cải cách bộ máy gồm: 5.6, 5.8, 5.9 (5 điểm)
- Mục 7.1.2. phối hợp với cá công chức chuyên môn hoàn thành việc ứng dụng công nghệ thông tin 3 điểm.
- Mục 7.1.3. phối hợp với các công chức chuyên môn hoàn thành việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích 1.5 điểm.
- Mục 7.2: áp dụng hệ thống chất lượng ISO 9001: 2015 (5 điểm)

2.5. Công chức Tư pháp – Hộ tịch Nguyễn Thị Thiên Nga

Chịu trách nhiệm tham mưu giúp đồng chí Chủ tịch UBND xã phụ trách công tác cải cách thể chế và chịu trách nhiệm hoàn thành các mục với tổng 20,75 điểm.

- Mục 2: cải cách thể chế (5,25 điểm)
- Mục 3.1 – 3.6.1: cải cách TTHC phối hợp với các công chức chuyên môn hoàn thành 11.5 điểm.
- Mục 7.1.2. phối hợp với cá công chức chuyên môn hoàn thành việc ứng dụng công nghệ thông tin 3 điểm.
- Mục 7.1.3. phối hợp với các công chức chuyên môn hoàn thành việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích 1.5 điểm.

2.6. Công chức Tư pháp – hộ tịch (phụ trách văn phòng) Nguyễn Thị Minh Châu

Chịu trách nhiệm tham mưu giúp đồng chí Chủ tịch UBND xã phụ trách công tác tiếp dân, và chịu trách nhiệm hoàn thành các mục với tổng 17 điểm.

- Mục 1.9: Tổ chức tiếp công dân định kỳ theo quy định (1 điểm)
- Mục 3.6.1: thực hiện tiếp nhận, xử lý và công khai PAKN về TTHC (1 điểm)

- Mục 3.1 – 3.6.1: phối hợp với các công chức chuyên môn hoàn thành 11.5 điểm.

- Mục 7.1.2. phối hợp với cá công chức chuyên môn hoàn thành việc ứng dụng công nghệ thông tin 3 điểm.

- Mục 7.1.3. phối hợp với các công chức chuyên môn hoàn thành việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích 1.5 điểm.

2.7. Công chức kế toán Nguyễn Văn Khuyển

Tham mưu cho đồng chí Chủ tịch UBND xã trong công tác thu chi ngân sách, trực tiếp phụ trách các mục với tổng 10 điểm.

- Mục 6: cải cách tài chính công 8 điểm

- Mục 8: giúp chủ tịch UBND xã thu ngân sách vượt kế hoạch 2 điểm

2. 8. Cán bộ văn hóa Mai Phi Vũ

Tham mưu cho đồng chí chủ tịch công tác tuyên truyền cải cách hành chính, phụ trách mạng công nghệ thông tin của cơ quan, trực tiếp phụ trách các mục với tổng 11,5 điểm như sau:

-Mục 1.6. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính (1 điểm)

-Mục 7.1.1. chủ trì và đôn đốc các công chức chuyên môn hoàn thành việc ứng dụng công nghệ thông tin 6 điểm.

- Mục 7.1.2. chủ trì và đôn đốc các công chức chuyên môn hoàn thành việc ứng dụng công nghệ thông tin 3 điểm.

- Mục 7.1.3. phối hợp với các công chức chuyên môn hoàn thành việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích 1.5 điểm.

2.9. Công chức văn hóa – Nguyễn Thị Thanh Thu

Tham mưu cho UBND xã về công tác CCHC thuộc lĩnh vực văn hóa – xã hội trực tiếp phụ trách các mục với tổng 4,5 điểm:

- Mục 7.1.2. phối hợp với các công chức chuyên môn hoàn thành việc ứng dụng công nghệ thông tin 3 điểm.

- Mục 7.1.3. phối hợp với các công chức chuyên môn hoàn thành việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích 1.5 điểm.

2.10. Công chức địa chính Hồ Xuân Hoàng

Tham mưu cho UBND xã về công tác CCHC thuộc lĩnh vực địa chính – xây dựng, trực tiếp phụ trách các mục với tổng 4,5 điểm:

- Mục 7.1.2. phối hợp với các công chức chuyên môn hoàn thành việc ứng dụng công nghệ thông tin 3 điểm.

- Mục 7.1.3. phối hợp với các công chức chuyên môn hoàn thành việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích 1.5 điểm.

(Có phụ lục phân công cụ thể kèm theo)

3. Đề nghị UBMTTQ, các tổ chức đoàn thể xã phối hợp với công chức văn hóa tuyên truyền công tác cải cách hành chính đến tận cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong toàn xã, đặc biệt tuyên truyền cho người dân, cá nhân, tổ chức hiểu rõ lợi ích của việc giải quyết TTHC dịch vụ công mức độ 3, 4 để người dân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện có hiệu quả nhất.

Vậy UBND xã Sơn Kim 1 đề nghị các bộ phận, thành viên trên thực hiện nghiêm túc các nội dung đã nêu trong văn bản./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Thư

**MỤC LỤC PHÂN CÔNG CÁNH BỘ, CÔNG CHỨC
PHỤ TRÁCH CÁC NỘI DUNG TRONG CCHC NĂM 2022**

Số TT tiêu chí	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Cán bộ, công chức chịu trách nhiệm
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	10.00	
1.1	Kế hoạch Cải cách hành chính năm	0.50	
	<i>Ban hành Kế hoạch đầy đủ nội dung, chất lượng, đúng thời gian quy định: 0,5</i>		Lê Thị Thu Hà
	<i>Ban hành Kế hoạch đúng thời gian nhưng không đầy đủ nội dung theo quy định: 0,25</i>		
	<i>Không ban hành kế hoạch hoặc ban hành Kế hoạch không đầy đủ nội dung, không đúng thời gian quy định: 0</i>		
1.2	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực/nội dung theo Bộ Tiêu chí	1.00	
	<i>Hoàn thành từ 70% -100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $a*1/100\%$, trong đó a là tỷ lệ % hoàn thành</i>		Cán bộ, công chức UBND xã
	<i>Hoàn thành dưới 70%: 0</i>		
1.3	Báo cáo định kỳ hàng quý, năm về CCHC (04 báo cáo gồm: 02 báo cáo quý, 01 báo cáo 6 tháng, 01 báo cáo năm)	1.00	
	<i>Báo cáo đầy đủ số lượng, chính xác về số liệu, nội dung và thời hạn theo quy định: 1</i>		Lê Thị Thu Hà
	<i>Báo cáo không đầy đủ, chính xác một trong các yêu cầu về số liệu, số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo: mỗi báo cáo trừ 0,25</i>		
1.4	Công tác rà soát, đôn đốc, chỉ đạo các nhiệm vụ tại Kế hoạch CCHC năm và chỉ đạo của cấp trên	0.50	
	<i>Ban hành văn bản, triển khai thực hiện chỉ đạo của đơn vị sau rà soát: 0,5</i>		Lê Thị Thu Hà
	<i>Không ban hành văn bản, triển khai thực hiện chỉ đạo của đơn vị sau rà soát: 0</i>		
1.5	Kết quả khắc phục tồn tại hạn chế sau kiểm tra do cấp trên chỉ ra, sau khi có kết quả xếp loại chỉ số CHCC của cấp huyện	1.00	
	<i>Tất cả số vấn đề tồn tại, hạn chế đã hoàn thành việc khắc phục: 1</i>		Cán bộ, công chức UBND xã
	<i>Tất cả số vấn đề tồn tại, hạn chế đã khắc phục nhưng chưa hoàn thành: 0,5</i>		

	<i>Tất cả số vấn đề tồn tại, hạn chế đã khắc phục nhưng chưa hoàn thành thì tính theo công thức: $(b/a) * 1 + (c/a) * 0,5$ Trong đó: a là tổng số vấn đề tồn tại, hạn chế phải khắc phục. b là số vấn đề tồn tại, hạn chế đã hoàn thành việc khắc phục. c là số vấn đề tồn tại, hạn chế đã khắc phục nhưng chưa hoàn thành. Trường hợp a = 0, thực hiện đánh giá theo văn bản hướng dẫn.</i>		
	<i>Tất cả số vấn đề tồn tại, hạn chế chưa hoàn thành việc khắc phục: 0</i>		
1.6	Công tác tuyên truyền CCHC	1.00	
1.6.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC	0.25	
	<i>Ban hành kế hoạch đảm bảo thời gian và đầy đủ nội dung: 0,25</i>		Mai Phi Vũ
	<i>Không ban hành kế hoạch hoặc ban hành kế hoạch không đảm bảo thời gian, không đầy đủ nội dung: 0</i>		
1.6.2	Thực hiện các hình thức tuyên truyền CCHC	0.75	
	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức sau: thông qua các hội nghị tập huấn chuyên đề CCHC, các cuộc họp giao ban, hội nghị sơ kết, tổng kết; trên Cổng (Trang) thông tin điện tử của đơn vị; trên các phương tiện thông tin đại chúng: 0,5</i>		Mai Phi Vũ
	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác (Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC; tọa đàm về CCHC; sân khấu hóa hoặc các hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo khác...): 0,25</i>		
	<i>Không thực hiện tuyên truyền CCHC: 0</i>		
1.7	Sáng kiến/giải pháp mới trong cải cách hành chính	2.00	
	<i>Có sáng kiến (giải pháp mới) được Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC Trung ương công nhận (năm trước liền kề): 2</i>		Cán bộ, công chức xã
	<i>Có sáng kiến (giải pháp mới) cấp tỉnh hoặc Bộ, ngành Trung ương về CCHC (năm trước liền kề) mà không được Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC Trung ương công nhận: 1</i>		
	<i>Có sáng kiến cấp cơ sở về CCHC: 0,5</i>		
	<i>Không có sáng kiến (giải pháp mới) thuộc các trường hợp trên: 0</i>		
1.8	Thực hiện các nhiệm vụ do UBND, Chủ tịch UBND huyện giao	2.00	‘- Đc Nguyễn Thị An hoàn thành 8 chỉ tiêu gồm: Thôn Văn hóa, GDVH, Trẻ em SDD, Điểm y tế, Hộ nghèo, Lao động qua đào tạo,
	<i>Hoàn thành đúng tiến độ từ 90% - dưới 100% số nhiệm vụ được giao trong năm thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $a * 2 / 100\%$, trong đó a là tỷ lệ % hoàn thành</i>		

	<i>Hoàn thành đúng tiến độ từ 80% - dưới 90% số nhiệm vụ được giao trong năm thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $a * 1,5/90\%$, trong đó a là tỷ lệ % hoàn thành</i>		BHYT, BHXH. ‘- Đc Phan Thanh Tùng: 10 chỉ tiêu gồm: KDC mẫu, Vườn mẫu, Đàn Hươu, Đàn dê, Đàn ong, trồng cây ăn quả, trồng rừng, trồng chè công nghiệp, giao thông, xử lý rác thải.
	<i>Hoàn thành từ 60% - dưới 80% số nhiệm vụ được giao theo tiến độ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $a * 1/80\%$, trong đó a là tỷ lệ % hoàn thành</i>		
	<i>Hoàn thành dưới 60% số nhiệm vụ được giao theo tiến độ hoặc hoàn thành nhiệm vụ nhưng chậm tiến độ: 0</i>		‘- Đc Hoàng Văn Thư: 2 chỉ tiêu Thu nhập bình quân đầu người; Thu ngân sách; Chủ trì chỉ đạo hoàn thành chỉ tiêu Khu dân cư mẫu.
1.9	Tổ chức thực hiện tiếp công dân định kỳ theo quy định (về tiếp nhận, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến trách nhiệm của UBND, Chủ tịch UBND xã)	1.00	Hoàng Văn Thư, Nguyễn Thị Minh Châu
	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 1</i>		
	<i>Thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>		
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	5.25	
2.1	Công tác xây dựng và ban hành văn bản QPPL	0.75	Nguyễn Thị Thiên Nga
2.1.1	Mức độ hoàn thành việc ban hành văn bản QPPL (nếu trong năm không ban hành văn bản QPPL thì không chấm điểm tiêu chí này - không tính cả tử và mẫu số)		
	<i>Hoàn thành 100%: 0,5</i>		
	<i>Hoàn thành từ 90% đến dưới 100%: 0,25</i>		
	<i>Hoàn thành dưới 90%: 0</i>		
2.1.2	Chất lượng của văn bản QPPL do cơ quan ban hành, tham mưu ban hành (nếu trong năm không ban hành văn bản QPPL thì không chấm điểm tiêu chí này - không tính cả tử và mẫu số)		
	<i>100% văn bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, khả thi: 0,75</i>		Nguyễn Thị Thiên Nga
	<i>Từ 80% đến dưới 100% văn bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, khả thi: 0,5</i>		
	<i>Dưới 80% văn bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, khả thi: 0</i>		
2.1.3	Thực hiện quy trình xây dựng và ban hành VBQPPL (nếu trong năm không ban hành văn bản QPPL thì không chấm điểm tiêu chí này - không tính cả tử và mẫu số)		

	<i>100% văn bản xây dựng đúng quy trình: 0,5</i>		Nguyễn Thị Thiên Nga
	<i>Dưới 100% văn bản xây dựng đúng quy trình: 0</i>		
2.1.4	<i>Công tác góp ý các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được lấy ý kiến</i>	0.75	
	<i>100% văn bản thực hiện kịp thời, đầy đủ, có chất lượng: 0,75</i>		Nguyễn Thị Thiên Nga phối hợp với các công chức chuyên môn
	<i>Từ 80% đến dưới 100% văn bản thực hiện kịp thời, đầy đủ, có chất lượng: 0,5</i>		
	<i>Dưới 80% văn bản thực hiện kịp thời, đầy đủ, có chất lượng: 0</i>		
2.2	Tự kiểm tra, rà soát văn bản QPPL	1.75	
2.2.1	<i>Thực hiện công tác tự kiểm tra</i>	0.50	Nguyễn Thị Thiên Nga
2.2.1.1	Tổ chức tự kiểm tra văn bản QPPL	0.25	
	<i>Tổ chức thực hiện kịp thời, đầy đủ, đảm bảo chất lượng: 0,25</i>		
	<i>Thực hiện không đầy đủ, kịp thời hoặc không đảm bảo chất lượng hoặc không tổ chức thực hiện: 0</i>		
2.2.1.2	Xử lý văn bản sau kiểm tra (nếu sau kiểm tra không có nội dung phải xử lý thì chấm điểm tối đa)	0.25	
	<i>Tất cả các văn bản đã hoàn thành việc xử lý: 0,25</i>		
	<i>Có văn bản chưa xử lý: 0</i>		
2.2.2	<i>Rà soát văn bản QPPL</i>	1.25	Nguyễn Thị Thiên Nga
2.2.2.1	Công bố Danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực hàng năm	0.25	
	<i>Tổ chức thực hiện đầy đủ, đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định: 0,25</i>		
	<i>Thực hiện không đầy đủ hoặc không đảm bảo chất lượng hoặc không đúng thời gian quy định hoặc không tổ chức thực hiện: 0</i>		
2.2.2.2	Thực hiện rà soát văn bản QPPL ngay sau khi có căn cứ hoặc theo yêu cầu của cơ quan cấp trên	0.50	
	<i>Tổ chức thực hiện kịp thời, đầy đủ, đảm bảo chất lượng: 0,5</i>		
	<i>Tổ chức thực hiện đầy đủ, đảm bảo chất lượng nhưng không kịp thời: 0,25</i>		

	<i>Thực hiện không đầy đủ, kịp thời hoặc không đảm bảo chất lượng hoặc không tổ chức thực hiện: 0</i>		
2.2.2.3	Xử lý kết quả rà soát (nếu thông qua rà soát không có nội dung phải xử lý thì đạt điểm tối đa của tiêu chí)	0.50	
	<i>Tất cả các văn bản đã hoàn thành việc xử lý: 0,5</i>		
	<i>Tất cả các văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành: 0,25</i>		
	<i>Tất cả văn bản chưa xử lý: 0</i>		
	<i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: $(b/a)*0,5 + (c/a)*0,25$ Trong đó: a là tổng số văn bản cần xử lý b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý c số văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành</i>		
2.3	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	2.75	Nguyễn Thị Thiên Nga
2.3.1	Tổ chức thực hiện các văn bản QPPL mới ban hành	1.0	
	<i>Tổ chức thực hiện kịp thời 100% văn bản QPPL: 1</i>		
	<i>Tổ chức thực hiện kịp thời 80% đến dưới 100% văn bản QPPL: 0,5</i>		
	<i>Tổ chức thực hiện kịp thời dưới 80% văn bản QPPL: 0</i>		
2.3.2	Theo dõi tình hình thi hành pháp luật	1.75	Nguyễn Thị Thiên Nga
2.3.2.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	1.25	
2.3.2.1.1	<i>Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật: 0,25</i>		
2.3.2.1.2	<i>Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 0,75</i>		
	<i>Tổ chức kiểm tra: 0,5</i>		
	<i>Theo dõi kết quả xử lý sau kiểm tra: 0,25</i>		
2.3.2.1.3	<i>Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật: 0,25</i>		
2.3.2.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật (Trường hợp không có văn bản phải xử lý thì chấm điểm tối đa)	0.5	
	<i>Tất cả văn bản đã hoàn thành xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 0,5</i>		
	<i>Tất cả văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý nhưng chưa hoàn thành: 0,25</i>		
	<i>Tất cả văn bản không xử lý hoặc không kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 0</i>		

	<i>Điểm được đánh giá theo công thức: $(b/a)*0,5 + (c/a)* 0,25$ Trong đó: a là tổng số văn bản cần xử lý hoặc kiến nghị xử lý b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý c là số văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý nhưng chưa hoàn thành</i>		
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	12.50	
3.1	Niêm yết, công khai TTHC tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã; trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị (nếu có)	1.00	Lê Thị Thu Hà
	<i>100% TTHC hoặc Quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được niêm yết, công khai đầy đủ, đúng quy định: 1</i>		
	<i>Từ 95% - dưới 100% TTHC hoặc Quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được niêm yết, công khai đúng quy định: 0,5</i>		
	<i>Dưới 95% TTHC hoặc Quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được niêm yết, công khai đúng quy định: 0</i>		
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	4.00	
3.2.1	Tỷ lệ TTHC được tiếp nhận tại Bộ phận "Một cửa".	1.00	Lê Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thiên Nga, Nguyễn Thị Minh Châu, Hồ Xuân Hoàng, Nguyễn Thị Thanh Thu
	<i>Đạt tỷ lệ 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị (trừ các TTHC đặc thù): 1</i>		
	<i>Dưới 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị (trừ các TTHC đặc thù): 0</i>		
3.2.2	Số hóa kết quả giải quyết TTHC	1.00	
	<i>Thực hiện số hóa và đính kèm kết quả giải quyết TTHC trên Cổng thông tin DVC trực tuyến của đơn vị đạt tỷ lệ từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên: 1</i>		Lê Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thiên Nga, Nguyễn Thị Minh Châu, Hồ Xuân Hoàng, Nguyễn Thị Thanh Thu
	<i>Thực hiện số hóa và đính kèm kết quả giải quyết TTHC trên Cổng thông tin DVC trực tuyến của đơn vị đạt tỷ lệ dưới 15% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $a*0,5/100%$, trong đó a là tỷ lệ % thực hiện</i>		
3.2.3	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn, chậm giải quyết hồ sơ TTHC (nếu không có sai sót, trễ hẹn thì đạt điểm tối đa của tiêu chí)	1.00	Cán bộ, công chức UBND xã
	<i>100% số hồ sơ TTHC bị trễ hẹn, chậm giải quyết có văn bản xin lỗi: 1</i>		
	<i>Dưới 100% số hồ sơ TTHC bị trễ hẹn, chậm giải quyết có văn bản xin lỗi: 0</i>		
3.2.4	Thực hiện việc đánh giá lấy ý kiến sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đã giải quyết TTHC theo quy định	1.00	Lê Thị Thu Hà

	<i>Triển khai thực hiện bằng các cách thức khác nhau (thiết bị điện tử, phiếu đánh giá, chức năng đánh giá trực tuyến của hệ thống thông tin một cửa điện tử) để lấy ý kiến đánh giá của người dân, doanh nghiệp khi giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa; có đầy đủ tài liệu kiểm chứng: 1</i>		
	<i>Có triển khai thực hiện nhưng chưa đảm bảo quy định, chưa đầy đủ tài liệu kiểm chứng: 0,5</i>		
	<i>Không triển khai thực hiện các cách thức khác nhau (thiết bị điện tử, phiếu đánh giá, chức năng đánh giá trực tuyến của hệ thống thông tin một cửa điện tử) để lấy ý kiến đánh giá của người dân, doanh nghiệp khi giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa: 0</i>		
3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết trước và đúng hạn	2.50	
	<i>Từ 99% - 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết trước và đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $a * 2,5 / 100\%$, trong đó a là tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn</i>		Lê Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thiên Nga, Nguyễn Thị Minh Châu, Hồ Xuân Hoàng, Nguyễn Thị Thanh Thu
	<i>Từ 95% - đến dưới 99% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết trước và đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $a * 1,5 / 100\%$, trong đó a là tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn</i>		
	<i>Dưới 95% hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết trước và đúng hạn: 0</i>		
3.4	Đưa TTHC ngành dọc vào thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo danh mục được phê duyệt tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	1.00	
	<i>Nếu đạt tỷ lệ 100%: 1</i>		Lê Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thiên Nga, Nguyễn Thị Minh Châu, Hồ Xuân Hoàng, Nguyễn Thị Thanh Thu; Nguyễn Minh Hùng, Phan Mạnh Long
	<i>Nếu đạt tỷ lệ từ 80% đến dưới 100%: 0,5</i>		
	<i>Nếu đạt tỷ lệ dưới 80%: 0</i>		
3.5	Rà soát, đánh giá TTHC	1.50	
3.5.1	Ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC (Kế hoạch riêng hoặc lồng ghép trong Kế hoạch kiểm soát TTHC nhưng phải có phụ lục riêng về rà soát, đánh giá TTHC).	0.50	Lê Thị Thu Hà
	<i>Ban hành Kế hoạch đúng quy định (chất lượng, sản phẩm, thời gian, có TTHC cụ thể đưa vào rà soát): 0,5</i>		
	<i>Ban hành Kế hoạch không đúng quy định (chất lượng, sản phẩm, thời gian, có TTHC cụ thể đưa vào rà soát): 0,25</i>		
	<i>Không ban hành Kế hoạch: 0</i>		
3.5.2	Tổ chức thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC tại cơ quan, đơn vị	0.50	Lê Thị Thu Hà

	<i>Có văn bản, hồ sơ, tài liệu để chứng minh việc thực hiện tổ chức rà soát, đánh giá TTHC: 0,5</i>		
	<i>Không có văn bản, tài liệu để chứng minh được việc tổ chức thực hiện rà soát, đánh giá TTHC: 0</i>		
3.5.3	Kết quả thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC	0.50	Lê Thị Thu Hà
	<i>Có phát hiện các quy định trong TTHC còn bất cập, chồng chéo và đưa vào báo cáo đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC, gửi cơ quan có thẩm quyền theo đúng thời gian quy định: 0,5</i>		
	<i>Không phát hiện các quy định trong TTHC còn bất cập, chồng chéo và báo cáo không đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC, gửi cơ quan có thẩm quyền theo đúng thời gian quy định: 0,25</i>		
	<i>Không có báo cáo: 0</i>		
3.6	Phản ánh kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và hành vi hành chính	1.50	
3.6.1	Niêm yết, công khai địa chỉ tiếp nhận PAKN tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả và trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị (nếu có)	0.50	Lê Thị Thu Hà
	<i>Thực hiện niêm yết, công khai địa chỉ tiếp nhận PAKN đúng quy định: 0,5</i>		
	<i>Có niêm yết, công khai địa chỉ tiếp nhận PAKN nhưng không đúng quy định: 0,25</i>		
	<i>Không thực hiện niêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận PAKN: 0</i>		
3.6.2	Thực hiện tiếp nhận, xử lý và công khai kết quả xử lý PAKN (nếu cơ quan, đơn vị không có PAKN thì chấm điểm tối đa tiêu chí này)	1.00	Nguyễn Thị Minh Châu
	<i>Phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận, xử lý và công khai kết quả xử lý đúng thời gian quy định: 1</i>		
	<i>Phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận, xử lý và công khai kết quả xử lý quá thời gian quy định: 0,5</i>		
	<i>Phản ánh, kiến nghị không xử lý: 0</i>		
3.7	Báo cáo định kỳ quý, năm và đột xuất về kiểm soát TTHC	1.00	Lê Thị Thu Hà
	<i>Báo cáo đầy đủ và đúng quy định về thời gian, nội dung và các biểu mẫu: 1</i>		
	<i>Có báo cáo nhưng quá thời gian quy định hoặc nội dung và các biểu mẫu báo cáo không đầy đủ: 0,5</i>		
	<i>Không có báo cáo: 0</i>		
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY	6.00	

4.1	Thực hiện chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền về tổ chức bộ máy của chính quyền cấp xã	2.00	Hoàng Văn Thu
	<i>Thực hiện đúng quy định, kịp thời: 2</i>		
	<i>Thực hiện đúng quy định nhưng chưa kịp thời: 1</i>		
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>		
4.2	Xây dựng, ban hành và thực hiện quy chế làm việc của UBND xã đảm bảo đúng quy định	1.00	Lê Thị Thu Hà
	<i>Có ban hành và thực hiện đảm bảo đúng quy định: 1</i>		
	<i>Có ban hành nhưng không đảm bảo đúng quy định hoặc không ban hành: 0</i>		
4.3	Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, công chức xã	1.00	Hoàng Văn Thu
	<i>Có ban hành quyết định phân công: 1</i>		
	<i>Không ban hành quyết định phân công: 0</i>		
4.4	Thực hiện việc sắp xếp thôn, tổ dân phố đảm bảo quy mô hộ gia đình theo quy định	2.00	Hoàng Văn Thu
	<i>Từ 50% đến 100% thôn, tổ dân phố đảm bảo đúng quy định: 2</i>		
	<i>Từ 20% đến dưới 50% thôn, tổ dân phố đảm bảo đúng quy định: 1</i>		
	<i>Dưới 20% thôn, tổ dân phố đảm bảo đúng quy định: 0</i>		
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	14.00	
5.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại cán bộ, công chức theo quy định	1.00	Hoàng Văn Thu
	<i>Đúng quy định: 1</i>		
	<i>Không đúng quy định: 0</i>		
5.2	Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của đơn vị.	1.00	Hoàng Văn Thu, Lê Thị Thu Hà, Nguyễn Văn Khuyến
	<i>Đúng quy định: 1</i>	1.00	
	<i>Đúng quy định nhưng chưa kịp thời: 0,5</i>		
	<i>Không đúng quy định: 0</i>		
5.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của đơn vị	1.00	Hoàng Văn Thu
	<i>Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $a \cdot 1/100\%$, trong đó a là tỷ lệ % hoàn thành</i>		
	<i>Chưa ban hành kế hoạch hoặc ban hành kế hoạch nhưng hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>		
5.4	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	2.00	Hoàng Văn Thu; Lê Thị Thu Hà

	<i>Từ 95% đến 100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định thì tính điểm theo công thức: $a*2/100\%$, trong đó a là tỷ lệ % cán bộ cấp xã đạt chuẩn</i>		
	<i>Dưới 95% cán bộ đạt chuẩn: 0</i>		
5.5	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	2.00	Hoàng Văn Thư; Lê Thị Thu Hà
	<i>Từ 95% đến 100% công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $a*2/100\%$, trong đó a là tỷ lệ % công chức cấp xã đạt chuẩn</i>		
	<i>Dưới 95% công chức cấp xã đạt chuẩn: 0</i>		
5.6	Cập nhật thông tin cán bộ công chức viên chức vào phần mềm quản lý CBCCVC của tỉnh	1.00	Lê Thị Thu Hà
	<i>Đầy đủ và đúng quy định: 1</i>		
	<i>Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>		
5.7	Kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ	3.00	
5.7.1	Thực hiện tự kiểm tra đột xuất kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ (không lồng ghép với các cuộc kiểm tra khác)	1.00	Hoàng Văn Thư; Lê Thị Thu Hà
	<i>Có triển khai, phát hiện và xử lý kịp thời, đúng quy định từ 3 vấn đề trở lên: 1</i>		
	<i>Có triển khai, phát hiện và xử lý kịp thời, đúng quy định từ dưới 3 vấn đề hoặc không phát hiện vấn đề cần xử lý: 0,5</i>		
	<i>Không triển khai: 0</i>		
5.7.2	Thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ do cấp trên chỉ ra	2.00	
5.7.2.1	<i>Trong năm</i>	0.50	
	<i>Trong năm KHÔNG CÓ văn bản phê bình của cấp trên: 0,5</i>	0.50	Cán bộ, công chức xã
	<i>Trong năm CÓ văn bản phê bình của cấp trên: 0</i>		
5.7.2.2	<i>Trong năm</i>	1.00	
	<i>Trong năm KHÔNG CÓ cán bộ, công chức, viên chức thuộc đơn vị bị kiểm điểm, xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật (do cấp trên chỉ ra): 1</i>	1.00	Cán bộ, công chức xã
	<i>Trong năm CÓ CB, CC, viên chức thuộc đơn vị bị kiểm điểm, xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật (do cấp trên chỉ ra): 0</i>		

5.7.2.3	Thực hiện quy định về văn hóa công vụ tại đơn vị	0.50	Cán bộ, công chức xã
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>		
	<i>Không đúng quy định: 0</i>		
5.8	Hồ sơ CBCCVC	2.00	
	<i>Đầy đủ và đúng quy định: 2</i>		Lê Thị Thu Hà
	<i>Đúng quy định nhưng chưa đầy đủ: 1</i>		
	<i>Không đúng quy định: 0</i>		
5.9	Báo cáo về lĩnh vực CBCCVC (định kỳ, đột xuất)	1.00	Lê Thị Thu Hà
	<i>Đầy đủ, đúng quy định, kịp thời: 1</i>		
	<i>Đầy đủ, đúng quy định nhưng chưa kịp thời: 0,5</i>		
	<i>Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>		
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	8.00	
6.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước (NSNN)	1.00	
	<i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: $a*1/100\%$, trong đó a là tỷ lệ % giải ngân vốn KH đầu tư NSNN</i>		
6.2	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1.00	
	<i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: $a*1/100\%$, trong đó a là tỷ lệ % số tiền đã nộp NSNN</i>		
6.3	Lập dự toán, phân bổ dự toán, quyết toán ngân sách và công khai tài chính	3.50	
6.3.1	Lập và nộp dự toán năm	0.75	
	<i>Nộp kịp thời, đầy đủ mẫu biểu theo quy định, có thuyết minh đầy đủ, chi tiết: 0,75</i>		
	<i>Nộp đầy đủ mẫu biểu theo quy định nhưng không kịp thời hoặc nộp kịp thời nhưng không đầy đủ mẫu biểu theo quy định: 0,5</i>		
	<i>Nộp không kịp thời, không đầy đủ mẫu biểu theo quy định: 0</i>		
6.3.2	Phân bổ dự toán	0.75	Nguyễn Văn Khuyến
	<i>Phân bổ dự toán kịp thời, đúng quy định: 0,75</i>		
	<i>Phân bổ dự toán đúng quy định nhưng không kịp thời hoặc phân bổ dự toán kịp thời nhưng không đúng quy định: 0,5</i>		
	<i>Phân bổ dự toán không kịp thời, không đúng quy định: 0</i>		

6.3.3	Lập và nộp Báo cáo quyết toán, Báo cáo tài chính năm	1.00	
	<i>Nộp kịp thời, đầy đủ mẫu biểu theo quy định: 1</i>		
	<i>Nộp đầy đủ mẫu biểu theo quy định nhưng không kịp thời hoặc nộp kịp thời nhưng không đầy đủ mẫu biểu theo quy định: 0,5</i>		
	<i>Nộp không kịp thời, không đầy đủ mẫu biểu theo quy định: 0</i>		
6.3.4	Công khai tài chính	1.00	
	<i>Công khai đúng quy định: 1</i>		
	<i>Công khai nhưng chưa đảm bảo quy định: 0,5</i>		
	<i>Không công khai: 0</i>		
6.4	Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công	1.00	
	<i>Ban hành đầy đủ theo quy định: 1</i>		
	<i>Có ban hành nhưng chưa đầy đủ theo quy định: 0,5</i>		
	<i>Chưa ban hành: 0</i>		
6.5	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	1.00	
	<i>Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 1</i>		
	<i>Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0</i>		
6.6	Chế độ báo cáo	0.50	
	<i>Nộp đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 0,5</i>		
	<i>Nộp chưa đầy đủ hoặc không kịp thời hoặc không đúng quy định: 0,25</i>		
	<i>Không nộp báo cáo: 0</i>		
7	XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	15.50	
7.1	Hiện đại hóa nền hành chính	10.50	
7.1.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của cơ quan, đơn vị	6.00	
7.1.1.1	Tỷ lệ tác nghiệp trên văn bản số (điện tử) trong nội bộ cơ quan (trừ các văn bản mật)	1.00	Mai Phi Vũ chủ trì các CB, CC phối hợp

	<i>100% văn bản đến và đi được tác nghiệp hoàn toàn trên văn bản số (tiếp nhận, giao thụ lý, dự thảo và trình duyệt): 1,00</i>		thực hiện
	<i>90% đến dưới 100% văn bản đến và đi được tác nghiệp hoàn toàn trên văn bản số (tiếp nhận, giao thụ lý, dự thảo và trình duyệt): 0,5</i>		
	<i>80% đến dưới 90% văn bản đến và đi được tác nghiệp hoàn toàn trên văn bản số (tiếp nhận, giao thụ lý, dự thảo và trình duyệt): 0,25</i>		
	<i>Dưới 80% văn bản đến và đi được tác nghiệp hoàn toàn trên văn bản số (tiếp nhận, giao thụ lý, dự thảo và trình duyệt): 0</i>		
7.1.1.2	Tỷ lệ văn bản đi được ký số và ban hành văn bản số (văn bản điện tử) gửi đến các cơ quan, đơn vị (trừ các văn bản mật)	1.00	Hoàng Văn Thu, Phan Thanh Tùng, Nguyễn Thị An, Lê Thị Thu Hà
	<i>100% văn bản đi được ký số và ban hành văn bản số đúng quy định: 1</i>		
	<i>90% - dưới 100% văn bản đi được ký số và ban hành văn bản số (điện tử) đúng quy định: 0,5</i>		
	<i>80% - dưới 90% văn bản đi được ký số và ban hành văn bản số đúng quy định: 0,25</i>		
	<i>Dưới 80% văn bản đi được ký số và ban hành văn bản số đúng quy định: 0</i>		
7.1.1.3	Chất lượng công TTĐT (theo hướng dẫn tại Công văn số 180/STTTT-CNTT ngày 29/3/2017 của Sở Thông tin và Truyền thông)	1.50	Mai Phi Vũ
	<i>Thông tin cập nhật đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 1,5</i>		
	<i>Thông tin cập nhật đầy đủ, đúng quy định nhưng một số nội dung chưa kịp thời: 0,5</i>		
	<i>Thông tin cập nhật không đầy đủ, không đúng quy định hoặc không kịp thời: 0</i>		
7.1.1.4	Báo cáo định kỳ 6 tháng, năm về kết quả ứng dụng CNTT (2 báo cáo).	0.50	Mai Phi Vũ
	<i>Đảm bảo quy định cả 2 báo cáo (thời gian và nội dung): 0,5</i>		
	<i>Không đảm bảo quy định (1 trong 2 báo cáo): 0</i>		
7.1.1.5	Kết quả phát triển chính quyền số theo bộ tiêu chí đánh giá được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 2853/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	2.00	Cán bộ, công chức UBND xã
	<i>Đạt trên 90% điểm số: 2</i>		
	<i>Đạt dưới 90%, điểm số tính theo công thức: $a*2/100\%$, trong đó a là tỷ lệ % đạt được</i>		
7.1.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	3.00	
7.1.2.1	Tỷ lệ số TTHC được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3	0.50	Lê Thị Thu Hà,

	<i>Đạt tỷ lệ 100% theo quy định hàng năm của tỉnh: 0,5</i>		Nguyễn Thị Thiên Nga, Nguyễn Thị Minh Châu, Hồ Xuân Hoàng, Nguyễn Thị Thanh Thu; Mai Phi Vũ
	<i>Đạt tỷ lệ 90% - dưới 100% theo quy định hàng năm của tỉnh: 0,25</i>		
	<i>Đạt dưới 90% theo quy định hàng năm của tỉnh: 0</i>		
7.1.2.2	Tỷ lệ số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ	0.50	Lê Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thiên Nga, Nguyễn Thị Minh Châu, Hồ Xuân Hoàng, Nguyễn Thị Thanh Thu; Mai Phi Vũ
	<i>Từ 50% số TTHC trở lên: 0,5</i>		
	<i>Dưới 50% số TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $a*0,5/100\%$, trong đó a là tỷ lệ % đạt được</i>		
7.1.2.3	Tỷ lệ số hồ sơ TTHC được tiếp nhận và giải quyết qua DVC TT mức độ 3	0.50	Lê Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thiên Nga, Nguyễn Thị Minh Châu, Hồ Xuân Hoàng, Nguyễn Thị Thanh Thu; Mai Phi Vũ
	<i>Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: 0,5</i>		
	<i>Dưới 30% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $a*0,5/100\%$, trong đó a là tỷ lệ % đạt được</i>		
7.1.2.4	Tỷ lệ số TTHC được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	0.50	Lê Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thiên Nga, Nguyễn Thị Minh Châu, Hồ Xuân Hoàng, Nguyễn Thị Thanh Thu; Mai Phi Vũ
	<i>Đạt tỷ lệ 100% theo quy định hàng năm của tỉnh: 0,5</i>		
	<i>Đạt tỷ lệ 90% - dưới 100% theo quy định hàng năm của tỉnh: 0,25</i>		
	<i>Đạt dưới 90% theo quy định hàng năm của tỉnh: 0</i>		
7.1.2.5	Tỷ lệ số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ	0.50	Lê Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thiên Nga, Nguyễn Thị Minh Châu, Hồ Xuân Hoàng, Nguyễn Thị Thanh Thu; Mai Phi Vũ
	<i>Từ 40% số TTHC trở lên: 0,5</i>		
	<i>Dưới 40% số TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $a*0,5/100\%$, trong đó a là tỷ lệ % đạt được</i>		
7.1.2.6	Tỷ lệ số hồ sơ TTHC được tiếp nhận và giải quyết qua DVC TT mức độ 4	0.50	Lê Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thiên Nga, Nguyễn Thị Minh Châu, Hồ Xuân Hoàng, Nguyễn Thị Thanh Thu; Mai Phi Vũ
	<i>Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: 0.5</i>		
	<i>Dưới 30% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $a*0,5/100\%$, trong đó a là tỷ lệ % đạt được</i>		
7.1.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	1.50	Lê Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thiên Nga, Nguyễn Thị Minh Châu
7.1.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	0.50	Lê Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thiên Nga, Nguyễn Thị Minh Châu

	<i>Từ 50% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ: 0,5</i>		
	<i>Dưới 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ: 0</i>		
7.1.3.2	Tỷ lệ số hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	0.50	
	<i>Từ 40% hồ sơ TTHC trở lên: 0,5</i>		
	<i>Từ 10% - dưới 40% hồ sơ TTHC: 0,25</i>		
	<i>Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0</i>		
7.1.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	0.50	
	<i>Từ 50% số hồ sơ TTHC trở lên: 0,5</i>		
	<i>Từ 20% - dưới 50% số hồ sơ TTHC: 0,25</i>		
	<i>Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0</i>		
7.2	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO (ISO 9001) theo quy định	5.00	
7.2.1	Công tác chỉ đạo và thực hiện chế độ báo cáo về xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015	0.50	Lê Thị Thu Hà
	<i>Thực hiện đầy đủ, kịp thời: 0,5</i>		
	<i>Có thực hiện nhưng chưa đầy đủ, kịp thời: 0,25</i>		
	<i>Không thực hiện: 0</i>		
7.2.2	Ban hành, áp dụng các quy trình nội bộ giải quyết công việc chuyên môn và điều hành tác nghiệp tại đơn vị (không liên quan đến giải quyết TTHC)	0.50	Lê Thị Thu Hà phối hợp với các công chức chuyên môn
	<i>Ban hành, áp dụng trên 10 quy trình: 0,5</i>		
	<i>Ban hành, áp dụng từ 5 đến dưới 10 quy trình: 0,25</i>		
	<i>Ban hành, áp dụng dưới 5 quy trình : 0</i>		
7.2.3	Đánh giá mức độ áp dụng các quy trình nội bộ giải quyết công việc chuyên môn, điều hành tác nghiệp và quy trình/hướng dẫn hệ thống tại đơn vị (thông qua bốc mẫu hồ sơ tại chỗ)	1.00	Lê Thị Thu Hà; Hồ Xuân Hoàng, Nguyễn Thị Thiên Nga, Nguyễn Thị Thanh Thu
	<i>Tuân thủ theo quy trình/ hướng dẫn đã ban hành: 1</i>		
	<i>Đáp ứng từ 90% -< 100% theo quy trình / hướng dẫn đã ban hành: 0,75</i>		
	<i>Đáp ứng từ 80% -<90% theo quy trình / hướng dẫn đã ban hành: 0,5</i>		
	<i>Đáp ứng từ 70% -<80% theo quy trình / hướng dẫn đã ban hành: 0,25</i>		

	<i>Đáp ứng dưới 70% theo quy trình / hướng dẫn đã ban hành: 0</i>		
7.2.4	Đánh giá mức độ áp dụng các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (thông qua kết quả theo dõi trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, bốc mẫu hồ sơ tại chỗ và ở các đơn vị trực thuộc)	1.50	Lê Thị Thu Hà; Hồ Xuân Hoàng, Nguyễn Thị Thiên Nga, Nguyễn Thị Thanh Thu
	<i>Tuân thủ theo quy trình đã công bố: 1,5</i>		
	<i>Đáp ứng từ 90% - <100% theo quy trình đã công bố: 1</i>		
	<i>Đáp ứng từ 80% - < 90% theo quy trình đã công bố: 0,75</i>		
	<i>Đáp ứng từ 70% - < 80% theo quy trình đã công bố: 0,5</i>		
	<i>Đáp ứng dưới 70% theo quy trình đã công bố: 0</i>		
7.2.5	Việc sắp xếp và lưu trữ tài liệu hồ sơ theo quy định (thông qua bốc mẫu hồ sơ tại các bộ phận để đánh giá)	1.00	Cán bộ, công chức UBND xã
	<i>Đảm bảo từ 90% hồ sơ, tài liệu trở lên được sắp xếp, lưu trữ theo quy định: 1</i>		
	<i>Đảm bảo từ 70% - <90% hồ sơ, tài liệu được sắp xếp, lưu trữ theo quy định: 0,5</i>		
	<i>Dưới 70% hồ sơ, tài liệu được sắp xếp, lưu trữ theo quy định: 0</i>		
7.2.6	Việc thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ và khắc phục sau đánh giá	0.50	Lê Thị Thu Hà
	<i>Có thực hiện tuân thủ đúng quy trình / hướng dẫn (có hồ sơ kiểm chứng): 0,5</i>		
	<i>Có thực hiện nhưng chưa tuân thủ đúng quy trình / hướng dẫn (có hồ sơ kiểm chứng): 0,25</i>		
	<i>Không thực hiện: 0</i>		
8	TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG	2.00	Hoàng Văn Thu
	<i>Thu ngân sách vượt chỉ tiêu theo kế hoạch được giao: 2</i>		
	<i>Thu ngân sách hoàn thành chỉ tiêu theo kế hoạch được giao: 1,5</i>		
	<i>Không hoàn thành chỉ tiêu theo kế hoạch được giao: 0</i>		
9	ĐÁNH GIÁ VỀ SỰ HÀI LÒNG CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (khảo sát, đo lường sự hài lòng)	25.00	Lê Thị Thu Hà phối hợp với Bưu điện xã, các cá nhân, tổ chức
	TỔNG ĐIỂM	100.00	